

Số: 23 /BC-BTP

Hà Nội, ngày 23 tháng 01 năm 2014

BÁO CÁO**Tình hình và kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính
tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2013**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Trình bày thi hành Nghị định số 48/2013/NĐ-CP của Chính phủ, trên cơ sở tổng hợp báo cáo của 23 Bộ, ngành¹ và Bộ Tư pháp, 60/63 địa phương², Bộ Tư pháp xin được báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình và kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC) tại các Bộ, ngành, địa phương trong năm 2013 như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TTHC

Năm 2013, với việc tiếp nhận nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế làm công tác kiểm soát TTHC từ hệ thống cơ quan Văn phòng sang Tổ chức Pháp chế, Sở Tư pháp, Ngành Tư pháp đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, sự quyết tâm của Bộ Tư pháp và sự quan tâm ủng hộ của Lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương, công tác kiểm soát TTHC tiếp tục được triển khai thực hiện, một số nhiệm vụ trọng tâm đã được hoàn thành, đặt nền tảng cho hoạt động này trong những năm tiếp theo như: cơ bản hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động kiểm soát TTHC³, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020 giúp đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giấy tờ công dân giúp người dân tiết kiệm thời gian, chi phí; bảo đảm tốt hơn quyền con người, quyền công dân; tạo tiền đề để tiến hành đổi mới căn bản về tổ chức, hoạt động quản lý nhà nước về dân cư theo hướng hiện đại, thể hiện ở việc áp dụng thống nhất, đồng bộ những tiến bộ công nghệ thông tin trong quản lý sử dụng cơ sở dữ liệu, góp phần phát triển Chính phủ điện tử... Kết quả cụ thể như sau:

1. Thực hiện 25 Nghị quyết của Chính phủ về đơn giản hoá TTHC

Tiếp tục thực hiện các phương án đơn giản hóa TTHC đã được Chính phủ phê duyệt tại 25 Nghị quyết chuyên đề năm 2010, trong năm 2013, các Bộ,

¹ Bộ Công an và Bộ Nội vụ gửi báo cáo chậm 01 tháng so với yêu cầu.

² Các tỉnh không báo cáo là: Gia Lai, Hậu Giang, Quảng Ngãi.

³ Chính phủ đã ban hành Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2013 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính.

ngành đã ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để đơn giản hóa 744 TTHC nâng số TTHC hoàn thành thực thi phương án đơn giản hóa lên 4.025 TTHC trên tổng số 4.712 TTHC (tăng 463 TTHC so với cùng kỳ năm 2012), tỷ lệ hoàn thành đạt 85,4%. Các Bộ, ngành làm tốt là Bộ Tài chính với 152 TTHC đã hoàn thành thực thi trong năm 2013, con số này của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là 148 TTHC, Bộ Nội vụ là 81 TTHC, Bộ Công Thương, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là 62 TTHC, Bộ Xây dựng là 58 TTHC. Còn 687 TTHC chưa hoàn thành thực thi tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư (107 TTHC), Bảo hiểm xã hội Việt Nam (106 TTHC), Ngân hàng Phát triển Việt Nam (72 TTHC), Bộ Quốc phòng (69 TTHC), Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (46 TTHC) (Xin xem chi tiết tại Phụ lục I).

2. Thực hiện đánh giá tác động về quy định TTHC trong các dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật

Năm 2013, các Bộ, ngành, địa phương đã thực hiện đánh giá tác động 1.413 TTHC quy định tại 397 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (giảm 701 TTHC và 163 văn bản so với năm 2012). Các Bộ, ngành đã đánh giá tác động đối với 819 TTHC quy định tại 199 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, địa phương đã thực hiện đánh giá tác động đối với 594 TTHC quy định tại 198 dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (Xin xem chi tiết tại Phụ lục II, III). Qua kiểm tra việc thực hiện kiểm soát TTHC tại địa phương và làm việc với Tổ chức Pháp chế các Bộ, ngành cho thấy: một số Bộ, ngành, địa phương không thực hiện đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật⁴; còn

⁴Bộ Giao thông vận tải chưa thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính nhưng vẫn gửi thẩm định đối với Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của cảng cạn; dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hàng không dân dụng; dự thảo Nghị định về Quản lý, khai thác và bảo trì đường cao tốc;

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chưa thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với: Nghị định số 80/2012/NĐ-CP, Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

- Bộ Xây dựng không đánh giá tác động đối với dự án Luật Kinh doanh bất động sản; dự án Luật Nhà ở có đánh giá tác động nhưng chưa đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP;

- Bộ Nội vụ không thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với 06/11 văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính; Thanh tra Chính phủ không thực hiện đánh giá tác động về thủ tục hành chính đối với 03/03 văn bản quy phạm pháp luật;

- Bộ Khoa học và Công nghệ không thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với các dự thảo: Nghị định quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ; Nghị định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;

- Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội không thực hiện đánh giá tác động thủ tục hành chính đối với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dạy nghề; Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người nhiễm HIV và người bị ảnh hưởng trực tiếp bởi HIV/AIDS, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương...

- Tỉnh Bình Dương trong 2 năm 2012-2013 đã ban hành 17 văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính, nhưng chỉ thực hiện đánh giá tác động quy định thủ tục hành chính đối với 4 văn bản; tỉnh Hải Dương mới thực hiện đánh giá tác động quy định thủ tục hành chính đối với 01/03 văn bản. Tỉnh Hà Giang, trong năm 2013 đã ban hành một số văn bản có quy định về thủ tục hành chính nhưng không thực hiện đánh giá tác động.

tình trạng ban hành công văn hành chính có chứa các quy định về TTHC⁵... Hệ quả của tình trạng trên sẽ ảnh hưởng tới chất lượng ban hành các quy định về TTHC, làm phát sinh thêm TTHC, gây khó khăn, lãng phí và cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của đất nước.

3. Công bố, công khai và cập nhật, vận hành Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC

Năm 2013, các Bộ, ngành, địa phương đã ban hành 1.145 Quyết định công bố TTHC và đề nghị công khai 17.530 TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC. Làm tốt công tác này là các Bộ: Tài chính, Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Y tế, Giao thông vận tải, Ngân hàng nhà nước Việt Nam và các tỉnh: Cà Mau, Tây Ninh, Tuyên Quang, Lâm Đồng, Thanh Hóa, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bắc Kạn, Bắc Giang, Bạc Liêu, Bến Tre, Lai Châu, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế. *(Xin xem chi tiết tại Phụ lục IV, V).*

Bộ Tư pháp đã kiểm soát và đăng tải 34.881 hồ sơ TTHC, hồ sơ văn bản trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, nâng tổng số hồ sơ TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC là 111.715 hồ sơ; số lượt truy cập đề khai thác trong năm 2013 là hơn 1.424.398 lượt.

4. Rà soát quy định, TTHC; tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị về quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết TTHC

- Năm 2013, các Bộ, ngành, địa phương đã tiến hành rà soát 1.398 quy định TTHC tại 192 văn bản quy phạm pháp luật theo kế hoạch rà soát được ban hành từ đầu năm, trong đó, các Bộ, ngành rà soát 427 quy định TTHC tại 71 văn bản quy phạm pháp luật; các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã rà soát 971 quy định, TTHC quy định tại 121 văn bản quy phạm pháp luật *(Xin xem chi tiết tại Phụ lục VI, VII).*

- Năm 2013, các Bộ, ngành, địa phương đã tiếp nhận 2.242 phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính (PAKN) của người dân, doanh nghiệp, tăng 1.519 PAKN so với năm 2012, trong đó, các Bộ, ngành đã tiếp nhận 842 PAKN và đã xử lý 552 PAKN, các địa phương đã tiếp nhận 1.400 PAKN và đã xử lý 1.331 PAKN; số PAKN đã được xử lý là 1.883 trên tổng số PAKN thuộc thẩm quyền, đạt 86%. Số liệu thống kê cho thấy, các Bộ, ngành, địa phương làm tốt công tác này là Bộ Y tế (đã xử lý 243/250 PAKN), Bộ Giáo dục và Đào tạo (207/207 PAKN), Bộ Khoa học và Công nghệ (57/57); các tỉnh: Long An (821/821 PAKN), Nghệ An (228/230 PAKN), Cà Mau (58/58), An Giang (33/34), Đà Nẵng (30/30), Bến Tre (27/27). Tuy nhiên, số lượng các phản ánh, kiến nghị chưa phản ánh đúng thực tế tình hình giải quyết TTHC tại các cấp chính quyền. *(Xin xem chi tiết tại Phụ lục VI, VII).*

⁵ Công văn số 328/HD-SXD ngày 20/8/2013 của Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên về việc hướng dẫn tạm thời Quy trình cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, trong đó, quy định về cơ quan có thẩm quyền giải quyết: đối tượng thực hiện; yêu cầu, điều kiện; trình tự thực hiện thủ tục hành chính...

- Năm 2013, có 20/23 Bộ, ngành và 56/63 địa phương có báo cáo về tình hình, kết quả giải quyết TTHC⁶. Con số thống kê cho thấy: tổng số hồ sơ các Bộ, ngành nhận giải quyết năm 2013 là 53.056.626 hồ sơ, trong đó, đã giải quyết 51.705.702 hồ sơ, đang giải quyết 1.269.695 hồ sơ, có 38.423 hồ sơ đang giải quyết quá hạn (chiếm tỷ lệ 3,0%); tổng số hồ sơ các địa phương nhận giải quyết trong kỳ là 44.890.159 hồ sơ, đã giải quyết 37.144.778 hồ sơ, đang giải quyết 1.555.091 hồ sơ, có 38.638 hồ sơ đang giải quyết quá hạn (chiếm tỷ lệ 2,5%). Các Bộ, ngành không có hồ sơ quá hạn là Bộ Công an, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Xây dựng, Thanh tra Chính phủ và Ủy ban dân tộc; các tỉnh không có hồ sơ quá hạn là Bình Định, Điện Biên, Hòa Bình, Lai Châu, Sóc Trăng hoặc chỉ có từ 02-05 hồ sơ quá hạn là Hà Giang, Bắc Kạn, Bắc Ninh, Sơn La, Trà Vinh.

Nguyên nhân chủ yếu của việc quá hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC được các Bộ, ngành, địa phương xác định là do: trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết TTHC⁷; thiếu biên chế⁸; cơ chế phối hợp chưa tốt⁹ và nguyên nhân khác. (Xin xem chi tiết tại Phụ lục VIII, IX, X, XI)

Năm 2013, Bộ Tư pháp đã tiến hành kiểm tra 09 địa phương và làm việc với 19/23 Tổ chức Pháp chế các Bộ, ngành, kết quả cho thấy: việc tiếp nhận, giải quyết TTHC tại nhiều cơ quan còn thủ công, hồ sơ giải quyết TTHC còn có thêm một số giấy tờ, tài liệu ngoài nội dung công khai/quy định; nhiều cơ quan đặt thêm yêu cầu, điều kiện; thời gian giải quyết TTHC còn kéo dài¹⁰...

⁶Các Bộ, ngành không báo cáo nội dung này là: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quốc phòng, Thông tin và Truyền thông; các địa phương không báo cáo nội dung này là: Hải Phòng, Gia Lai, Hậu Giang, Hưng Yên, Kiên Giang, Nghệ An, Quảng Ngãi.

⁷3.918 hồ sơ quá hạn do trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết TTHC.

⁸3.868 hồ sơ quá hạn do thiếu biên chế.

⁹2.917 hồ sơ quá hạn do cơ chế phối hợp chưa tốt.

¹⁰Tại Bắc Ninh: Sở Xây dựng yêu cầu thêm giấy tờ, tài liệu ngoài nội dung công khai/quy định trong Hồ sơ thủ tục cấp giấy phép xây dựng, chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; UBND huyện Quế Võ yêu cầu thêm hồ sơ trong Hồ sơ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, yêu cầu thực hiện thêm việc xác nhận của UBND xã tại đơn đề nghị đối với hồ sơ của thủ tục cấp phép xây dựng; thủ tục đăng ký lại việc sinh thực hiện tại UBND thị trấn Phố Mới còn tình trạng giải quyết quá hạn.

- Tại Hải Dương: Sở Xây dựng yêu cầu thêm giấy chứng nhận đăng ký cam kết bảo vệ môi trường, quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết, phê duyệt điều chỉnh quy mô đầu tư xây dựng công trình tru sở làm việc, cam kết bảo đảm vệ sinh môi trường và an toàn, báo cáo năng lực tài chính, đề án bảo vệ môi trường trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Số 117/GPXD ngày 27/8/2013; UBND phường Nguyễn Trãi yêu cầu thêm Phiếu xác minh trong thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; thời gian giải quyết TTHC còn quá thời hạn theo quy định đối với thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tại Hưng Yên: Sở Xây dựng yêu cầu thêm một số giấy tờ, tài liệu ngoài nội dung công khai, quy định như: bản cam kết bảo vệ môi trường, thông báo xác nhận hiện trạng mặt bằng xây dựng và bản vẽ đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng của Nhà máy sản xuất phụ tùng ô tô - số 32/GPXD ngày 29/10/2012; UBND huyện Tiên Lữ yêu cầu thực hiện thêm các thủ tục không đúng quy định như việc xác nhận đơn tại UBND cấp xã và yêu cầu mua đơn trong thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất...

- Tại Hà Giang, Phú Thọ: Hồ sơ giải quyết TTHC Cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh tại UBND thành phố Hà Giang và UBND thị xã Phú Thọ có thêm hợp đồng công chứng thuê trụ sở, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; hồ sơ giải quyết thủ tục Đăng ký kết hôn tại xã Ngọc Đường (Hà Giang) yêu cầu Giấy xác

5. Về việc chuyển giao hệ thống đơn vị làm công tác kiểm soát TTHC

Triển khai thi hành Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính và Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 05 tháng 7 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp đã có văn bản đôn đốc, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương chuyển giao Phòng Kiểm soát TTHC từ Văn phòng Bộ, ngành, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương sang Tổ chức Pháp chế, Sở Tư pháp¹¹.

Tính đến 31/12/2013, 63 địa phương và 20/23 Bộ, ngành đã hoàn thành chuyển giao; các Bộ chưa chuyển giao là: Khoa học và Công nghệ, Ngoại giao, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Số lượng công chức đang làm công tác kiểm soát TTHC tại các Bộ, ngành, địa phương là 285 biên chế trong đó Bộ, ngành 85 biên chế, địa phương là 200 biên chế. Như vậy, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về biên chế tối thiểu cho các Phòng Kiểm soát TTHC (5 biên chế)¹², thì hiện nay, hệ thống đơn vị kiểm soát TTHC trên cả nước còn thiếu 145 biên chế (trong đó các Bộ, ngành thiếu 30, địa phương thiếu 115 biên chế). Trong tổng số 23 Bộ, ngành và 63 địa phương, chỉ một số ít Bộ, ngành, địa phương đã bố trí đủ biên chế làm công tác kiểm soát TTHC, như: Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thanh tra Chính phủ; các địa phương như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng, Long An, Thanh Hóa (*Xin xem chi tiết tại Phụ lục XII, XIII*)

6. Thực hiện công tác của Ban chỉ đạo Đề án Tổng thể đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020 (Đề án 896)

Với vai trò là cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo Đề án 896, Bộ Tư pháp đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Danh sách thành viên Ban Chỉ đạo, Văn phòng Ban Chỉ đạo; xây dựng, trình Trưởng Ban chỉ đạo ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo. Văn phòng Ban Chỉ đạo đã tham mưu giúp Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, Trưởng Ban chỉ đạo tổ chức phiên họp toàn thể lần thứ nhất Ban chỉ đạo; đồng thời, phối hợp với Bộ Công an, Viện nghiên cứu cao cấp về toán và các cơ quan, đơn vị có liên quan để bàn về một số vấn đề liên quan đến việc triển khai Đề án. Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã phê duyệt theo thẩm quyền danh sách thành viên Văn phòng Ban chỉ đạo thực hiện Đề án. Văn phòng Ban chỉ đạo đã nghiên cứu, xây dựng tài liệu, tổ chức tập huấn hướng dẫn thực hiện hệ thống hóa TTHC, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư và đôn đốc các Bộ, ngành hoàn thành trong tháng 01/2014.

nhân tình trạng hôn nhân của người đăng ký kết hôn có hộ khẩu thường trú tại địa bàn xã là thành phần không có trong quy định...

- Tại Bình Dương, có 3/4 đơn vị được kiểm tra vẫn còn tình trạng có giấy tờ ngoài quy định trong hồ sơ lưu

¹¹ Công văn số 6023/BTP-KSTT ngày 21/8/2013 và Công văn số 8064/BTP-KSTT ngày 12/12/2013.

¹² Văn bản số 1064/TTg-TCCV ngày 26 tháng 4 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ

7. Thực hiện nhiệm vụ thư ký Hội đồng tư vấn cải cách TTTC

Với vai trò là cơ quan thường trực của Hội đồng tư vấn cải cách TTTC, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Hội đồng Tư vấn cải cách TTTC đã ban hành Danh sách thành viên Hội đồng, kế hoạch hoạt động năm 2013 và phê duyệt kế hoạch của các Ban công tác của Hội đồng để triển khai thực hiện; tổ chức họp với Ban Tuyên giáo trung ương, Bộ Thông tin và Truyền thông và 07 cơ quan thông tấn, báo chí ở Trung ương để xây dựng Chương trình phối hợp trong việc tuyên truyền về cải cách thủ tục hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính tại các Bộ, ngành, địa phương; chủ động tham mưu và phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Tư vấn tổ chức triển khai các hoạt động theo đúng kế hoạch được phê duyệt, trong đó đã hoàn thành đánh giá việc thực hiện cải cách thủ tục hành chính thuộc 5 lĩnh vực thuế, hải quan, kiểm dịch động vật, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương như: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Cà Mau và Lạng Sơn để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, việc thực hiện các nhiệm vụ công tác kiểm soát TTTC còn những tồn tại, hạn chế, như:

- Việc tham mưu, tổ chức thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được Chính phủ phê duyệt tại 25 Nghị quyết chuyên đề tại một số Bộ, ngành chưa quyết liệt; việc tham mưu cho cấp có thẩm quyền trong chỉ đạo chuyển giao, tiếp nhận nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và biên chế làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính còn chậm; hầu hết các Bộ, ngành, địa phương chưa bố trí đủ biên chế làm công tác kiểm soát thủ tục hành chính.

- Nhiều cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo chưa thực hiện hoặc thực hiện còn hình thức việc đánh giá tác động và lấy ý kiến đơn vị kiểm soát thủ tục hành chính đối với các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính nên đã ảnh hưởng lớn đến chất lượng ban hành các quy định về thủ tục hành chính.

- Nhiều Bộ, ngành, địa phương thực hiện việc công bố TTTC còn chậm¹³, nơi niêm yết không đúng với quy định hiện hành¹⁴ dẫn đến việc công khai thủ

¹³Ví dụ: Bộ Công Thương chậm công bố TTTC ban hành tại 05 thông tư, gồm: Thông tư số 25/2013/TT-BCT ngày 29/10/2013 quy định về trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi và thời hạn của giấy phép hoạt động điện lực; Thông tư số 15/2013/TT-BCT ngày 15/7/2013 về điều kiện xuất khẩu than; Thông tư số 12/2013/TT-BCT ngày 20/06/2013 về việc quy định thủ tục thông báo, đăng ký và công bố thông tin liên quan đến website thương mại điện tử; Thông tư số 08/2013/TT-BCT ngày 22/04/2013 quy định chi tiết về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; Thông tư số 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013 ban hành mẫu đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung. Đặc biệt, Bộ Giáo dục và Đào tạo, trong năm 2013, chưa thực hiện việc

tục hành chính trở nên hình thức, gây khó khăn cho cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện thủ tục hành chính.

- Vẫn tồn tại tình trạng tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không đúng quy định, như: quá thời hạn giải quyết; đặt thêm yêu cầu, điều kiện, thành phần hồ sơ buộc cá nhân, tổ chức phải thực hiện. Một số Bộ, ngành, địa phương chưa thực sự quan tâm chỉ đạo việc báo cáo tình hình, kết quả giải quyết TTHC hoặc có báo cáo nhưng không đầy đủ các nội dung quy định đã ảnh hưởng đến việc tổng hợp số liệu của Bộ Tư pháp cũng như việc đánh giá tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ, công vụ của cán bộ công chức, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

- Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định tại Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ chưa được các cơ quan thực hiện tốt nên chưa nhận được sự quan tâm của cá nhân, tổ chức¹⁵; mặt khác, kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị chưa đáp ứng được kỳ vọng của nhân dân nên người dân, doanh nghiệp chưa thực sự tin tưởng để tiếp tục gửi phản ánh, kiến nghị cũng như đóng góp ý kiến về quy định thủ tục hành chính.

2. Nguyên nhân

Có những tồn tại, hạn chế nêu trên, bên cạnh một số nguyên nhân khách quan do sự chuyển giao về tổ chức và nhân sự thì nguyên nhân chính vẫn là sự nhận thức chưa đầy đủ của một số cán bộ, công chức nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị đối với vai trò, tầm quan trọng của công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC dẫn đến việc chưa tập trung chỉ đạo, tổ chức và triển khai kịp thời, đầy đủ công tác này tại cơ quan, đơn vị; chưa tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các Quy chế làm cơ sở triển khai hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính sau khi chuyển giao công tác này sang Tổ chức Pháp chế, Sở Tư pháp. Một số lãnh đạo Tổ chức pháp chế, Sở Tư pháp do mới được chuyển giao nhiệm vụ chưa bao quát được đầy đủ những nhóm nhiệm vụ, công việc cụ thể của Phòng Kiểm soát TTHC để chỉ đạo kịp thời cũng như tạo điều kiện cho đơn vị này hoạt động.

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

công bố, công khai thủ tục hành chính mặc dù số văn bản quy phạm pháp luật có quy định về thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Bộ được ban hành trong năm 2013 là 37 văn bản

¹⁴Một số đơn vị cấp huyện và cấp xã ở Bắc Ninh, Hà Giang, Hưng Yên, Phú Thọ chưa niêm yết công khai đủ số lượng thủ tục hành chính và các bộ phận của thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP mà mới chỉ công khai theo yêu cầu của Bộ phận một cửa, một cửa liên thông.

¹⁵Trong năm 2013, nhiều tỉnh không nhận được phản ánh, kiến nghị nào như: Bắc Ninh, Bắc Kạn, Bình Dương, Cao Bằng, Đồng Tháp, Hưng Yên, Hải Dương, Hòa Bình, Kiên Giang, Lâm Đồng, Quảng Nam, Quảng Ninh, Sơn La, Thái Bình, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Yên Bái ...

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, góp phần vào việc hoàn thành nhiệm vụ được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 02/01/2014 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính như chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tư pháp kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương quan tâm, thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm về kiểm soát TTHC năm 2014 như sau:

1. Yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Quan tâm hơn nữa đến công tác tư pháp nói chung và kiểm soát TTHC nói riêng. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng phối hợp chặt chẽ với Tổ chức Pháp chế, Sở Tư pháp trong việc triển khai hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính nhằm duy trì tốt công tác này, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng thể chế, gắn công tác xây dựng thể chế, theo dõi thi hành pháp luật với công tác kiểm soát TTHC và tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện TTHC.

b) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chức năng bố trí đủ nhân sự Phòng Kiểm soát TTHC và có cơ chế, chính sách đãi ngộ hợp lý đối với đội ngũ cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC tại các vụ, cục, sở, ngành, huyện, xã.

c) Chỉ đạo các đơn vị chức năng tập trung rà soát, dự thảo ngay các Quyết định công bố, cập nhật TTHC mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và tiến hành niêm yết công khai kịp thời, đầy đủ theo đúng quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, Nghị định số 48/2013/NĐ-CP; thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có quy định về TTHC.

d) Hoàn thành việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư để trình Chính phủ thông qua, bảo đảm triển khai có kết quả và đúng tiến độ Đề án Tổng thể đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân và các cơ sở dữ liệu liên quan đến quản lý dân cư giai đoạn 2013-2020.

2. Các Bộ, ngành¹⁶ tập trung thực hiện đơn giản hóa 687 TTHC tại các Nghị quyết của Chính phủ năm 2010 và các TTHC theo phương án đơn giản hóa được rà soát theo Quyết định số 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo dõi chương trình xây dựng luật, pháp lệnh hàng năm, kịp thời trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để hoàn thành dứt điểm việc thực

¹⁶ Không bao gồm các Bộ: Giao thông vận tải, Ngoại giao, Tư pháp, Thanh tra Chính phủ.

thì phương án đơn giản hóa TTHC. Trong trường hợp phải chờ sửa đổi, bổ sung văn bản cấp trên phải đề xuất giải pháp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ để chỉ đạo tháo gỡ trong năm 2014.

3. Các Bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, xử lý kiến nghị của địa phương được Bộ Tư pháp tổng hợp tại Phụ lục XIV của Báo cáo này; thông báo kết quả xử lý về Bộ Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát TTHC tại các Bộ, ngành, địa phương năm 2013. Bộ Tư pháp xin báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo. /

Nơi nhận

- Như trên;
- Phó TTgCP Nguyễn Xuân Phúc (để báo cáo);
- Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các cơ quan: Ngân hàng phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam,
- Các thành viên HĐTV CCTTHC;
- Các Thứ trưởng (để biết),
- Các đơn vị thuộc Bộ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ, Báo Pháp luật Việt Nam (để đưa tin);
- Lưu: VT, KSTT (6).



Hà Hùng Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 157 /SY-UBND

Bình Định, ngày 06 tháng 02 năm 2014

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- CVP, K2;
- Lưu: VT (07b).

**TL. CHỦ TỊCH
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG**



Nguyễn Thái Bình



Phụ lục I

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTIC THEO 25 NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 23/BC-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Bộ, ngành	Số lượng TTIC cần được đơn giản hóa	Tình hình thực hiện phương án đơn giản hóa TTIC					TTIC đã hoàn thành việc thực thi phương án đơn giản hóa	Số TTIC chưa hoàn thành thực thi phương án ĐGH
			Số lượng TTIC hoặc bộ phận cấu thành được quy định trong VB thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan		Số lượng TTIC hoặc bộ phận cấu thành được quy định trong VB không thuộc thẩm quyền ban hành của bộ, cơ quan nhưng do bộ, cơ quan chủ trì dự thảo				
			Chờ sửa đổi, bổ sung văn bản khác	Đã ban hành	Chờ sửa đổi, bổ sung VB do bộ, cơ quan khác chủ trì soạn thảo	Đã trình cấp có thẩm quyền ban hành	Đã ban hành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Bộ Công an	150	0	74	2	0	115	124	26
2	Bộ Công Thương	201	20	136	0	45	45	181	20
3	Bộ Giao thông vận tải	405	0	0	0	0	0	405	0
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	139	0	90	0	1	14	120	19
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	305	0	22	0	10	181	198	107
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	89	0	80	0	0	5	85	4
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	237	0	123	0	0	110	191	46
8	Bộ Ngoại giao	23	17	2	0	0	2	23	0
9	Bộ Nội vụ	160	0	0	0	157	0	157	3
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	379	-	-	-	-	-	347	32
11	Bộ Quốc phòng	96	37	14	4	1	15	27	69
12	Bộ Tài chính	708	60	633	17	0	173	648	60
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	170	92	37	15	23	56	159	11
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	115	0	69	0	2	63	92	23
15	Bộ Tư pháp	236	0	3	0	0	1	236	0
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	152	0	94	0	2	66	147	5
17	Bộ Xây dựng	79	0	0	0	0	0	79	0
18	Bộ Y tế	227	0	166	0	1	115	205	22
19	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	205	0	114		2	14	168	37
20	Thanh tra Chính phủ	19	0	0	0	0	19	19	0
21	Ủy ban Dân tộc	10	0	0	0	0	0	10	0
22	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	263	0	157	106	0	0	157	106
23	Ngân hàng Chính sách xã hội	91	25	66	0	0	0	66	25
24	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	253	50	146	0	0	0	181	72
	Tổng số	4.712	301	2.026	144	244	994	4.025	687

Phụ lục II
DANH GIÁ TÁC ĐỘNG QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ, NGÀNH NĂM 2013
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 23/BC-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Bộ, ngành	Số lượng dự thảo VBQPPL có quy định về TTHC đã được DGTĐ	Số lượng TTHC quy định trong các dự thảo đã được DGTĐ	Phân loại TTHC quy định trong dự thảo đã được DGTĐ			Ghi chú
				Số lượng TTHC dự kiến bổ sung mới	Số lượng TTHC dự kiến sửa đổi, bổ sung, thay thế	Số lượng TTHC dự kiến bãi bỏ, hủy bỏ	
1	2	3	4=5+6+7	5	6	7	8
1	Bộ Công an						Không bao cáo nội dung này
2	Bộ Công Thương	7	41	28	3	10	
3	Bộ Giao thông vận tải	21	61	44	17	0	
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	9	21	12	9	0	
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	8	296	29	170	62	
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	9	43	19	24	0	
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	6	36	22	14	0	
8	Bộ Ngoại giao	2	11	11	0	21	
9	Bộ Nội vụ	2	4	4	0	0	Báo cáo gửi muộn
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	24					Số liệu thống kê không đầy đủ
11	Bộ Quốc phòng	5	16	16	0	0	
12	Bộ Tài chính	15	27	19	8	0	
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	43					
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	6	12	7	5	0	
15	Bộ Tư pháp	3	14	8	6	0	
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7	24	11	13	0	
17	Bộ Xây dựng	13	87				Số liệu thống kê không đầy đủ
18	Bộ Y tế	4	32	17	15	0	
19	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	12	90	55	35	0	

STT	Bộ, ngành	Số lượng dự thảo VBQPPL có quy định về TTHC đã được DGTĐ	Số lượng TTHC quy định trong các dự thảo đã được DGTĐ	Phân loại TTHC quy định trong dự thảo đã được DGTĐ			Ghi chú
				Số lượng TTHC dự kiến bổ sung mới	Số lượng TTHC dự kiến sửa đổi, bổ sung, thay thế	Số lượng TTHC dự kiến bãi bỏ, hủy bỏ	
20	Thanh tra Chính phủ	0	0	0	0	0	
21	Ủy ban Dân tộc	1	2	0	0	0	
22	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	2	2	2	0	0	
23	Ngân hàng Chính sách xã hội	0	0	0	0	0	
24	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	0	0	0	0	0	
	Tổng số	199	819	304	319	93	

Phụ lục III

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 23/BC-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Địa phương	Số lượng dự thảo VBQPPL có quy định về TTHC đã được ĐGTD trong năm	Số lượng TTHC quy định trong các dự thảo đã được ĐGTD	Phân loại TTHC quy định trong dự thảo đã được ĐGTD			Ghi chú
				Số lượng TTHC dự kiến bổ sung mới	Số lượng TTHC dự kiến sửa đổi, bổ sung, thay thế	Số lượng TTHC dự kiến bãi bỏ, hủy bỏ	
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Hà Nội	10	51	3	48	0	
2	TP. Hồ Chí Minh	0	0	0	0	0	
3	Hải Phòng	9					Số liệu thống kê không đầy đủ
4	Đà Nẵng	3	3	3	0	0	
5	Cần Thơ	1	2	2	0	0	
6	An Giang	5	19	15	4	0	
7	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0	0	0	0	
8	Bạc Liêu	3	19	11	8	0	
9	Bắc Giang	12	46	46	0	0	
10	Bắc Kạn	1	6	6	0	0	
11	Bắc Ninh	4	18	18	0	0	
12	Bến Tre	7	12	12	0	0	
13	Bình Định	1	1	1	0	0	
14	Bình Dương	5	11	11	0	0	
15	Bình Phước	6	17	3	14	0	
16	Bình Thuận	4	27	17	10	0	
17	Cà Mau	4	49	32	8	0	
18	Cao Bằng	7	7	0	7	0	
19	Đắk Lắk	1	1	185	273	149	
20	Đắk Nông	11	11	11	0	0	
21	Điện Biên	7	0	0	0	0	
22	Đồng Nai	0	0	0	0	0	

STT	Địa phương	Số lượng dự thảo VBQPPL có quy định về TTHC đã được ĐGTD trong năm	Số lượng TTHC quy định trong các dự thảo đã được ĐGTD	Phân loại TTHC quy định trong dự thảo đã được ĐGTD			Ghi chú
				Số lượng TTHC dự kiến bổ sung mới	Số lượng TTHC dự kiến sửa đổi, bổ sung, thay thế	Số lượng TTHC dự kiến bãi bỏ, hủy bỏ	
23	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	
24	Gia Lai						Không có báo cáo
25	Hà Giang	0	0	0	0	0	
26	Hà Nam	0	0	0	0	0	
27	Hà Tĩnh	3	11	7	4	0	
28	Hải Dương	3	15	15	0	0	
29	Hậu Giang						Không có báo cáo
30	Hòa Bình	2	17	3	14	0	
31	Hưng Yên	3	7	7	0	0	
32	Khánh Hòa	3	4	4	0	1	
33	Kiên Giang	2	2	2	0	0	
34	Kon Tum	3	3	0	3	0	
35	Lai Châu	8	9	2	4	0	
36	Lâm Đồng	5	7	7	0	0	
37	Lạng Sơn	0	0	0	0	0	
38	Lào Cai	4	11	0	11	0	
39	Long An	2	27	26	1		
40	Nam Định						Không báo cáo nội dung này
41	Nghệ An						Số liệu thống kê không đầy đủ
42	Ninh Bình	1	2				Số liệu thống kê không đầy đủ
43	Ninh Thuận	0	0	0	0	0	
44	Phú Thọ	0	0	0	0	0	
45	Phú Yên	1					
46	Quảng Bình	1	2	2	0	0	
47	Quảng Nam	2	2	2	0	0	
48	Quảng Ngãi						Không có báo cáo

STT	Địa phương	Số lượng dự thảo VBQPPL có quy định về TTHC đã được ĐGTD trong năm	Số lượng TTHC quy định trong các dự thảo đã được ĐGTD	Phân loại TTHC quy định trong dự thảo đã được ĐGTD			Ghi chú
				Số lượng TTHC dự kiến bổ sung mới	Số lượng TTHC dự kiến sửa đổi, bổ sung, thay thế	Số lượng TTHC dự kiến bãi bỏ, hủy bỏ	
49	Quảng Ninh	0	0	0	0	0	
50	Quảng Trị	4	11	9	0	0	
51	Sóc Trăng	1	7	7	0	0	
52	Sơn La	13	0	0	0	0	
53	Tây Ninh	2	3	3	0	0	
54	Thái Bình	4	17	6	11	0	
55	Thái Nguyên	5	36	22	0	0	
56	Thanh Hóa	2	2	0	0	0	
57	Thừa Thiên - Huế	8	44	12	32	0	
58	Tiền Giang	4	13	13	0	0	
59	Trà Vinh	3	0	0	0	0	
60	Tuyên Quang	4	8	0	8	0	
61	Vĩnh Long	3	31	31	0	0	
62	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	
63	Yên Bái	1	3	0	0	0	
	Tổng số	198	594	556	460	150	

Phụ lục IV

TÌNH HÌNH BAN HÀNH VÀ CÔNG BỐ CÔNG KHAI CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ, NGÀNH NĂM 2013
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 23/BC-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Bộ, ngành	Số lượng VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng TTHC được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ trong VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng Quyết định công bố TTHC	Số lượng Văn bản đề nghị Bộ Tư pháp công khai (hoặc không công khai) TTHC vào CSDL QG về TTHC	Số lượng TTHC đề nghị		Ghi chú
						Công khai	Không công khai	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Bộ Công an	1	5	1				
2	Bộ Công Thương	7	88	16	3	64	24	
3	Bộ Giao thông vận tải	17	89	5	4	89	71	
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	37	37	0	0	0	0	
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	7	284	3	7	135	156	
6	Bộ Khoa học và Công nghệ			2	0	12	0	
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội			2	1	44	0	
8	Bộ Ngoại giao	3	11			11	21	
9	Bộ Nội vụ	10	107	3	0	0	0	Báo cáo gửi muộn
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			11	5	76	183	
11	Bộ Quốc phòng	5		3	3	19	0	
12	Bộ Tài chính	15	27	10	6	220	17	
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	0	0	2	0	2	0	
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	3	173	5	4	165	97	
15	Bộ Tư pháp		135	6	3	135	43	
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5	43	5	2	32	0	
17	Bộ Xây dựng	22	82	6	2	16	3	

STT	Bộ, ngành	Số lượng VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng TTHC được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ trong VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng Quyết định công bố TTHC	Số lượng Văn bản đề nghị Bộ Tư pháp công khai (hoặc không công khai) TTHC vào CSDL QG về TTHC	Số lượng TTUC đề nghị		Ghi chú
						Công khai	Không công khai	
18	Bộ Y tế	0		15	11	90	53	
19	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	8	44	7	7	44	19	
20	Thanh tra Chính phủ	0	0	0	0	0	0	
21	Ủy ban Dân tộc	3	4	3	2	4	3	
22	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	0	0	1	1	3	0	
23	Ngân hàng Chính sách xã hội	0	0	1	1	7	5	
24	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	0	0	0	0	0	0	
	Tổng số	143	1.129	107	62	1.168	695	

Handwritten text, possibly a date or signature, located on the right edge of the page.

Handwritten text, possibly a date or signature, located in the lower-left area of the page.

Handwritten text, possibly a date or signature, located in the lower-left area of the page.

Handwritten text, possibly a date or signature, located in the lower-middle area of the page.

Handwritten text, possibly a date or signature, located in the lower-middle area of the page.

Phụ lục V

TÌNH HÌNH BAN HÀNH VÀ CÔNG BỐ CÔNG KHAI CÁC QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG NĂM 1013

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 23/BC-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Địa phương	Số lượng VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng TTHC được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ trong VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng Quyết định công bố TTHC	Số lượng Văn bản đề nghị VPCP công khai (hoặc không công khai) TTHC vào CSDL QG về TTHC	Số lượng TTHC đề nghị		Ghi chú
						Công khai	Không công khai	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Hà Nội		181	31	0	0	0	
2	TP. Hồ Chí Minh	-	191	10	-	-	-	
3	Hải Phòng			1				Số liệu thống kê không đầy đủ
4	Đà Nẵng	0	561	11	0	0	0	
5	Cần Thơ	42	420	31	4	385	321	
6	An Giang		675	6	6	675	0	
7	Bà Rịa - Vũng Tàu	-	868	60	26	688	652	
8	Bạc Liêu	-	450	56	30	267	353	
9	Bắc Giang			20	2	564	391	
10	Bắc Kạn		706	44	15	584	526	
11	Bắc Ninh							Không báo cáo nội dung này
12	Bến Tre			37	36	563	408	
13	Bình Định	-	374	14	14	273	101	
14	Bình Dương			9		604		
15	Bình Phước	0	375	12	7	367	264	
16	Bình Thuận	8	559	27	3	177	491	
17	Cà Mau	-	1.211	25	28	1.292	1.893	
18	Cao Bằng	0	122	4	2	58	64	
19	Dăk Lăk	46	272	14	23	0	0	

STT	Địa phương	Số lượng VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng TTHC được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ trong VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng Quyết định công bố TTHC	Số lượng Văn bản đề nghị VPCP công khai (hoặc không công khai) TTHC vào CSDL QG về TTHC	Số lượng TTHC đề nghị		Ghi chú
						Công khai	Không công khai	
20	Đắk Nông	25	17	14	5	166	84	
21	Điện Biên	-	59	7	1	26	6	
22	Dồng Nai	0	638	21	15	479	159	
23	Dồng Tháp	0	0	0	2	302	0	
24	Gia Lai							Không có báo cáo
25	Hà Giang	0	33	5	5	32	1	
26	Hà Nam			9	0			
27	Hà Tĩnh	-	1.285	28	19	691	531	
28	Hải Dương			7	1	21	10	
29	Hải Giang							Không có báo cáo
30	Hòa Bình		198	1	1	44	0	
31	Hưng Yên		239	3	0	239	0	
32	Khánh Hòa	-	394	21	1	289	87	
33	Kiên Giang		951		0	0	0	
34	Kon Tum	4	235	4	0	0	0	
35	Lai Châu	-	-	38	8	514	494	
36	Lâm Đồng		244	5	18	796	0	
37	Lạng Sơn			11	5	298	232	
38	Lào Cai	0	551	25	18	521	30	
39	Long An			26	19	221	168	
40	Nam Định	61	323	8	0	272	51	
41	Nghệ An			1	1	14	10	
42	Ninh Bình							Không báo cáo nội dung này

STT	Địa phương	Số lượng VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng TTHC được ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ trong VBQPPL có quy định về TTHC được ban hành	Số lượng Quyết định công bố TTHC	Số lượng Văn bản đề nghị VPCP công khai (hoặc không công khai) TTHC vào CSDL QG về TTHC	Số lượng TTHC đề nghị		Ghi chú
						Công khai	Không công khai	
43	Ninh Thuận		498	5	0	0	0	
44	Phú Thọ		403	11	0	0	0	
45	Phú Yên		402					Số liệu thống kê không đầy đủ
46	Quảng Bình			10	2	72	38	
47	Quảng Nam	2	2	10	0	0	0	
48	Quảng Ngãi							Không có báo cáo
49	Quảng Ninh			22	2	241	237	
50	Quảng Trị							
51	Sóc Trăng	3	746	24	12	185	67	
52	Sơn La	1	1	7	7	137	0	
53	Tây Ninh	0	2.125	21	21	1.139	986	
54	Thái Bình			32		361	352	
55	Thái Nguyên		102	7	7	130	83	
56	Thanh Hóa	-	532	74	65	498	501	
57	Thừa Thiên - Huế			25	5	642	773	
58	Tiền Giang	7	25	19	7	175	137	
59	Trà Vinh	5	249	13	4	4	3	
60	Tuyên Quang	0	1.028	23	23	988	40	
61	Vĩnh Long	14	204	28	0	0	0	
62	Vĩnh Phúc		397	45	0	0	0	
63	Yên Bái	-	0	16	16	368	62	
	Tổng số	218	18.846	1.038	486	16.362	10.606	

Phụ lục VI
RÀ SOÁT QUY ĐỊNH, TTHC VÀ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ
VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH TẠI BỘ, NGÀNH NĂM 2013
(Kèm theo Báo cáo số 23/BC-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Bộ, ngành	Rà soát quy định, TTHC		Tiếp nhận, xử lý PAKN			Ghi chú	
		Số lượng VBQPPL ban hành quy định hành chính được rà soát	Số lượng quy định hành chính được rà soát	Số lượng PAKN tiếp nhận trong năm	Thuộc phạm vi xử lý			Không thuộc phạm vi xử lý
					Đang xử lý	Đã xử lý		
1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9
1	Bộ Công an							Không báo cáo nổi dung này
2	Bộ Công Thương	0	0	31	3	28	0	
3	Bộ Giao thông Vận tải	0	0	0	0	0	0	
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	37	37	107	0	107	0	
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0	0	45	6	38	1	
6	Bộ Khoa học và Công nghệ		4	57	0	57	0	
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội			9	4	2	3	Đã hoàn thành rà soát
8	Bộ Ngoại giao	0	0	34	5	29	0	
9	Bộ Nội vụ		5	0	0	0	0	Báo cáo gửi muộn
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn		101	1	0	1	0	
11	Bộ Quốc phòng	0	0	0	0	0	0	
12	Bộ Tài chính	7	35	15	3	12	0	
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường			285	257	28	0	
14	Bộ Thông tin và Truyền thông		47	0	0	0	0	
15	Bộ Tư pháp	0	0	2	0	2	0	
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	3	22	2	0	2	0	
17	Bộ Xây dựng			1	0	0	1	
18	Bộ Y tế	3	2	250	0	243	7	
19	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	11	52	3	0	3	0	
20	Thanh tra Chính phủ	5	7	0	0	0	0	
21	Ủy ban Dân tộc			0	0	0	0	

STT	Bộ, ngành	Rà soát quy định, TTHC		Tiếp nhận, xử lý PAKN			Ghi chú	
		Số lượng VBQPPL ban hành quy định hành chính được rà soát	Số lượng quy định hành chính được rà soát	Số lượng PAKN tiếp nhận trong năm	Thuộc phạm vi xử lý			Không thuộc phạm vi xử lý
					Đang xử lý	Đã xử lý		
22	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	5	115	0	0	0	0	
23	Ngân hàng Chính sách xã hội	0	0	0	0	0	0	
24	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	0	0	0	0	0	0	
	Tổng số	71	427	842	278	552	12	

Phụ lục VII
RÀ SOÁT QUY ĐỊNH, TTIC VÀ TIẾP NHẬN, XỬ LÝ PHẢN ÁNH, KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HÀNH CHÍNH
TẠI ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 23/BC-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Địa phương	Rà soát quy định, TTIC		Tiếp nhận, xử lý PAKN				Ghi chú
		Số lượng VBQPPL ban hành quy định hành chính được rà soát	Số lượng quy định hành chính được rà soát	Số lượng PAKN tiếp nhận trong năm	Thuộc phạm vi xử lý		Không thuộc phạm vi xử lý	
					Đang xử lý	Đã xử lý		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Hà Nội	18	10	29	0	29	0	
2	TP. Hồ Chí Minh	-	112	30	3	27	0	
3	Hải Phòng							Số liệu không đầy đủ
4	Đà Nẵng	0	139	34	0	30	4	
5	Cần Thơ	9	25	12	8	4	0	
6	An Giang			34	0	33	1	Không có số liệu rà soát
7	Bà Rịa - Vũng Tàu	-	-	1	0	1	0	
8	Bạc Liêu	12	33	2	0	2	0	
9	Bắc Giang	0	0	8	0	8	0	
10	Bắc Kạn		119	0	0	0	0	
11	Bắc Ninh	0	0	0	0	0	0	
12	Bến Tre			27	0	27	0	
13	Bình Định			1	0	1	0	Đã hoàn thành việc rà soát không thông kê số liệu
14	Bình Dương			1	0	1	0	
15	Bình Phước	16	178	1	1	0	0	
16	Bình Thuận	0	0	1	0	0	1	
17	Cà Mau	24	24	58	0	58	0	
18	Cao Bằng	0	0	0	0	0	0	
19	Đắk Lắk							Không báo cáo nội dung này

STT	Địa phương	Rà soát quy định, TTHC		Tiếp nhận, xử lý PAKN			Ghi chú
		Số lượng VBQPPL ban hành quy định hành chính được rà soát	Số lượng quy định hành chính được rà soát	Số lượng PAKN tiếp nhận trong năm	Thuộc phạm vi xử lý		
					Đang xử lý	Đã xử lý	
20	Đắk Nông	0	0	20	0	0	20
21	Điện Biên	0	34	0	0	0	0
22	Đồng Nai	0	0	7	0	7	0
23	Đồng Tháp	0	0	0	0	0	0
24	Gia Lai						Không có báo cáo
25	Hà Giang	0	0	5	0	5	0
26	Hà Nam	0	157	0	0	0	0
27	Hà Tĩnh	4	4	6	0	6	0
28	Hải Dương			0	0	0	Đang tổng hợp kết quả rà soát
29	Hậu Giang						Không có báo cáo
30	Hòa Bình	0	0	0	0	0	0
31	Hưng Yên	0	0	4	0	4	0
32	Khánh Hòa			9	0	2	7
33	Kiên Giang	0	0	0	0	0	0
34	Kon Tum	0	0	1	0	0	1
35	Lai Châu	1	1	0	0	0	0
36	Lâm Đồng	0	0	0	0	0	0
37	Lạng Sơn	0	44	1	1	0	0
38	Lào Cai	0	0	1	0	1	0
39	Long An	33	37	821	0	821	0
40	Nam Định						Không báo cáo nội dung này
41	Nghệ An			230	2	228	0
42	Ninh Bình	-	-	14	1	12	1
43	Ninh Thuận	0	0	0	0	0	0
44	Phú Thọ	0	0	4	4	0	0

STT	Địa phương	Rà soát quy định, TTHC		Tiếp nhận, xử lý PAKN				Ghi chú
		Số lượng VBQPPL ban hành quy định hành chính được rà soát	Số lượng quy định hành chính được rà soát	Số lượng PAKN tiếp nhận trong năm	Thuộc phạm vi xử lý		Không thuộc phạm vi xử lý	
					Đang xử lý	Đã xử lý		
45	Phú Yên			10	0	10	0	
46	Quảng Bình	0	0	2	0	2	0	
47	Quảng Nam	0	0	0	0	0	0	
48	Quảng Ngãi							Không có báo cáo
49	Quảng Ninh	0	0	0	0	0	0	
50	Quảng Trị			4	0	3	1	
51	Sóc Trăng	0	0	0	0	0	0	
52	Sơn La	0	0	0	0	0	0	
53	Tây Ninh	4	13	2	0	2	0	
54	Thái Bình			0	0	0	0	
55	Thái Nguyên	0	0	0	0	0	0	
56	Thanh Hóa		28	1	0	1	0	
57	Thừa Thiên - Huế		5	13	0	0	13	
58	Tiền Giang		8	5	0	5	0	
59	Trà Vinh	0	0	0	0	0	0	
60	Tuyên Quang	0	0	0	0	0	0	
61	Vĩnh Long	0	0	1	0	1	0	
62	Vĩnh Phúc	0	0	0	0	0	0	
63	Yên Bái	0	0	0	0	0	0	
	Tổng số	121	971	1.400	20	1.331	49	

Phụ lục VIII

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI BỘ, NGÀNH NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 23/BC-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Bộ, ngành	Tổng số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Số kỳ trước chuyển qua	Số tiếp nhận mới	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
					Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
1	Bộ Công an	5.017.623			5.001.112			166.511			Báo cáo gửi muốn
2	Bộ Công Thương	743.713	468	742.037	743.356	743.334	29	427	385	42	
3	Bộ Giao thông vận tải	980.973	4.949	976.024	974.928	974.928	0	140.045	140.045	0	
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	4.883	1.605	3.278	4.527	4.527	0	49	49	0	
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	142	27	115	125	125	0	36	36	0	
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	5.303.658	51.284	5.252.274	4.879.269	4.839.709	39.560	57.756	31.885	25.871	
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	14.419	0	0	14.419	14.419	0	0	0	0	
8	Bộ Ngoại giao	160.743	6.828	153.906	165.970	165.538	432	993	1.746	119	
9	Bộ Nội vụ	3.366	103	3	3.282	3.252	30	84	80	4	Báo cáo gửi muốn
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn										Không báo cáo nội dung này
11	Bộ Quốc phòng										Không báo cáo nội dung này
12	Bộ Tài chính	27.906.458	28.242	27.878.216	27.899.322	27.898.220	1.102	7.126	7.126	430	
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	2.027	-	-	1.797	1.787	10	230	224	6	
14	Bộ Thông tin và Truyền thông										Không báo cáo nội dung này
15	Bộ Tư pháp	123	3	86	120	88	42	3	3	20	
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	6.720	127	6.593	6.562	6.562	0	158	158	0	
17	Bộ Xây dựng	179	-	-	164	164		15	15	0	

STT	Bộ, ngành	Tổng số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Số kỳ trước chuyển qua	Số tiếp nhận mới	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
					Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
18	Bộ Y tế	143.034			129.205	113.864	15.341	13.829	10.454	3.375	
19	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	7.515	257	7.258	6.940	6.940	0	575	487	88	
20	Thanh tra Chính phủ	35.516	0	35.516	34.957	34.957	0	559	559	0	
21	Ủy ban Dân tộc	153	0	153	153	153	0	0	0	0	
22	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	10.469.530	1.260.049	9.209.481	9.706.812	9.569.045	125.067	762.718	754.645	8.021	
23	Ngân hàng Chính sách xã hội	2.214.585	92.418	2.122.167	2.092.155	2.091.990	165	117.782	117.450	332	
24	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	41.266	1.981	39.285	40.527	40.464	63	799	684	115	
	Tổng:	53.056.626	1.448.341	46.426.393	51.705.702	46.344.528	181.841	1.269.695	1.066.031	38.423	

Phụ lục IX
NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐÒI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐONG TRONG GIẢI QUYẾT TTHC
TẠI BỘ, NGÀNH NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 23/BC-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Bộ, ngành	Số lượng hồ sơ quá hạn	Nguyên nhân quá hạn									Nguyên nhân khác	Ghi chú
			Quy định hành chính				Cán bộ, công chức			Cơ sở vật chất, trang thiết bị			
			Do quy định tại VBQPPL chưa rõ ràng	Do quy định tại VBQPPL mâu thuẫn với nhau	Do quy định tại VBQPPL không hợp lý	Do cơ chế phối hợp chưa tốt	Do thiếu biên chế	Do trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết	Do cán bộ trực tiếp giải quyết thiếu trách nhiệm hoặc những nhiều	Diện tích trụ sở làm việc chật hẹp, xuống cấp	Trang thiết bị thiếu hoặc chất lượng kém		
1	2	3=4+5+6+7+8+9+10+11+12+13	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Bộ Công an	0											Báo cáo gửi muộn
2	Bộ Công Thương	42	0	0	0	0	0	0	0	0	0	42	
3	Bộ Giao thông vận tải	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Bộ Khoa học và Công nghệ	25.871											Không thống kê nguyên nhân
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	Bộ Ngoại giao	120	0	0	0	80	0	0	0	0	17	23	
9	Bộ Nội vụ	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	Báo cáo gửi muộn

STT	Bộ, ngành	Số lượng hồ sơ quá hạn	Nguyên nhân quá hạn										Ghi chú
			Quy định hành chính				Cán bộ, công chức			Cơ sở vật chất, trang thiết bị		Nguyên nhân khác	
			Do quy định tại VBQPPL chưa rõ ràng	Do quy định tại VBQPPL mâu thuẫn với nhau	Do quy định tại VBQPPL không hợp lý	Do cơ chế phối hợp chưa tốt	Do thiếu biên chế	Do trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết	Do cán bộ trực tiếp giải quyết thiếu trách nhiệm hoặc những nhiều	Diện tích trụ sở làm việc chật hẹp, xuống cấp	Trang thiết bị thiếu hoặc chất lượng kém		
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn												Không báo cáo nội dung này
11	Bộ Quốc phòng												Không báo cáo nội dung này
12	Bộ Tài chính	430	0	0	0	0	0	0	0	0	0	430	
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	
14	Bộ Thông tin và Truyền thông												Không báo cáo nội dung này
15	Bộ Tư pháp	20	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20	
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
17	Bộ Xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
18	Bộ Y tế	3 375											Không thống kê nguyên nhân
19	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	88	0	0	0	0	0	0	0	0	0	88	
20	Thanh tra Chính phủ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
21	Ủy ban Dân tộc	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
22	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	8.021	94	0	0	87	2.883	3.549	0	0	0	1.408	
23	Ngân hàng Chính sách xã hội	332	0	0	0	0	0	0	0	0	0	332	
24	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	115	0	0	0	0	0	0	0	0	0	115	
	Tổng:	38.424	94	0	0	167	2.883	3.549	0	0	17	2.468	

Phụ lục X
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2013
(Ban hành kèm theo Báo cáo số 23/BC-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Địa phương	Tổng số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Số kỷ trước chuyển qua	Số tiếp nhận mới	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
					Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
1	2	3=4+5	4	5	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
1	Hà Nội	3.232.896	119.168	3.113.728	3.219.039	3.208.153	10.886	39.215	36.619	2.596	
2	TP. Hồ Chí Minh	3.973.473	31.352	3.851.781	3.867.103	3.829.168	37.935	102.135	100.550	1.585	
3	Hải Phòng										Không có số liệu thống kê
4	Đà Nẵng	100.251	1.786	98.465	93.867	91.887	1.980	6.549	5.867	682	
5	Cần Thơ	1.029.327	6.282	1.023.045	1.011.067	1.010.334	733	18.266	18.146	114	
6	An Giang	2.616.642	538.553	2.078.089	1.995.633	1.984.663	10.970	621.009	615.828	5.981	
7	Bà Rịa - Vũng Tàu	1.266.969	39.381	1.227.588	1.234.812	1.216.002	2.942	31.937	26.947	4.990	
8	Bạc Liêu	498.590	2.676	495.914	495.014	494.256	758	3.576	3.537	39	
9	Bắc Giang	1.110.748	0	1.110.748	1.093.738	1.093.738	0	17.010	15.366	1.644	
10	Bắc Kạn	206.884	2.245	204.639	189.362	189.362	0	17.522	17.519	3	
11	Bắc Ninh	199.338	505	198.833	197.866	197.844	22	1.472	1.470	2	
12	Bến Tre	1.097.507	35.549	1.061.942	1.085.196	1.083.157	730	12.311	12.251	60	
13	Bình Định	217.782	1.114	216.668	217.348	216.941	407	4.757	4.757	0	
14	Bình Dương	1.026.995	3.592	1.023.403	1.020.232	1.016.934	3.298	6.763	6.481	282	
15	Bình Phước	407.126	98	407.028	170.315	168.583	1.732	1.308	1.297	11	
16	Bình Thuận	238.491			200.568	199.120	1.448	37.923	37.005	918	
17	Cà Mau	799.964	7.294	792.670	790.599	693.214	97.385	9.433	9.280	153	
18	Cao Bằng	62.831	539	62.292	61.084	61.027	57	1.747	1.737	10	
19	Đắk Lắk	1.795.692	13.180	1.782.512	1.789.266	1.788.693	573	6.426	6.266	160	

Bảng 1

STT	Địa phương	Tổng số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Số kỷ trước chuyển qua	Số tiếp nhận mới	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
					Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
20	Đắk Nông	295.340	1.038	294.302	290.492	284.746	4.746	4.848	4.465	383	
21	Điện Biên	121.689			120.026			1.663	1.663	0	
22	Đồng Nai	556.101	19.845	526.252	606.096	604.162	1.933	9.442	8.966	476	
23	Đồng Tháp	677.790	19.845	526.252	726.122	604.162	1.933	11.105	10.629	467	
24	Gìn Lai										Không có báo cáo
25	Hà Giang	247.129	3.757	196.979	202.856	210.640	43	898	8.886	2	
26	Hà Nam	192.137	1.123	191.014	191.114	191.098	16	1.023	878	145	
27	Hà Tĩnh	799.779	15.385	784.394	823.805	821.764	2.041	77.042		385	
28	Hải Dương	444.845	7.833	437.012	442.786	442.557	229	2.059	1.938	121	
29	Hậu Giang										Không có báo cáo
30	Hòa Bình	6.748.826	1.168	5.979.771	603.076	603.076	0	77	77	0	
31	Hưng Yên										Không báo cáo nội dung này
32	Khánh Hòa	1.708.472			1.616.884	1.611.572	5.312	91.588	89.961	1.627	
33	Kiến Giang										Không báo cáo nội dung này
34	Kon Tum	216.849	2.211	206.748	213.581	211.720	1.010	3.580	3.165	423	
35	Lai Châu	167.691	357	167.324	166.941	166.990	3	725	725	0	
36	Lâm Đồng	338.916	1.579	336.829	336.363	332.183	4.181	2.553	2.355	198	
37	Lạng Sơn	150.782	3.549	147.233	147.640	147.029	611	3.142	3.118	24	
38	Lào Cai	170.133	564	168.633	170.133	40.099	50	150	100	50	
39	Long An	574.501	8.270	566.231	564.375	559.469	4.906	10.126	9.799	327	
40	Nam Định	333.171	10.231	322.940	328.548	324.158	4.390	5.402	5.197	205	
41	Nghệ An										Không báo cáo nội dung này
42	Ninh Bình	260.582			258.585	257.745	840	1.997	1.996	31	
43	Ninh Thuận	502.332	0	502.332	468.041	460.109	7.932	33.811	30.836	2.975	

STT	Địa phương	Tổng số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Số lý trước chuyển qua	Số tiếp nhận mới	Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
					Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
44	Phủ Thọ	565.134			533.055	532.358	697	32.079	31.392	687	
45	Phủ Yên	234.016	802	233.214	220.155	218.335	1.820	13.861	13.068	793	
46	Quảng Bình	501.640	7.717	493.923	499.175	493.100	5.917	2.465	2.104	358	
47	Quảng Nam	434.423	1.158	433.265	429.656	428.703	953	5.908	5.791	117	
48	Quảng Ngãi										Không có báo cáo
49	Quảng Ninh	966.367	1.914	964.453	953.766	949.775	3.991	12.601	11.582	1.019	
50	Quảng Trị	264.519	445	264.074	261.562	260.119	1.443	2.957	2.763	194	
51	Sóc Trăng	721.317	1.126	720.191	719.763	719.667	96	1.554	1.554	0	
52	Sơn La	85.319	1.777	83.542	84.722	84.310	412	320	315	5	
53	Tây Ninh	806.632	11.024	795.608	782.325	779.102	3.223	9.169	8.365	804	
54	Thái Bình	994.231	59.597	934.634	881.758	880.963	795	112.473	110.066	2.407	
55	Thái Nguyên	64.489	1.008	63.481	59.461	59.051	410	572	563	9	
56	Thanh Hóa	2.904.452	108.544	2.795.908	2.775.273	2.763.593	11.680	129.179	125.602	3.577	
57	Thừa Thiên - Huế	303.760	2.491	301.269	303.940	299.578	4.362	9.820	7.704	1.116	
58	Tiền Giang	720.837	11.918	708.919	704.838	696.253	8.585	12.869	12.608	261	
59	Trà Vinh	118.340	448	117.892	117.970	117.967	3	372	367	5	
60	Tuyên Quang	286.754	1.948	284.806	281.482	281.467	15	5.272	5.249	23	
61	Vĩnh Long	146.357	1.053	145.304	145.504	145.435	71	853	848	74	
62	Vĩnh Phúc	266.595	1.489	265.076	266.190	264.964	1.226	381	325	56	
63	Yên Bái	116.406	3.304	113.102	114.610	114.524	86	1.796	1.732	64	
	Tổng số	44.890.159	1.117.832	39.822.252	37.144.778	36.505.619	257.817	1.555.091	1.447.675	38.638	

Phụ lục XI
NGUYÊN NHÂN QUÁ HẠN ĐỐI VỚI CÁC TRƯỜNG HỢP TỒN ĐỘNG TRONG GIẢI QUYẾT TTHC TẠI ĐỊA PHƯƠNG
NĂM 2013

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 23/BC-BTP ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Địa phương	Số lượng hồ sơ quá hạn	Nguyên nhân quá hạn										Ghi chú
			Quy định hành chính				Cán bộ, công chức			Cơ sở vật chất, trang thiết bị		Nguyên nhân khác	
			Do quy định tại VBQPPL chưa rõ ràng	Do quy định tại VBQPPL mâu thuẫn với nhau	Do quy định tại VBQPPL không hợp lý	Do cơ chế phối hợp chưa tốt	Do thiếu biên chế	Do trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết	Do cán bộ trực tiếp giải quyết thiếu trách nhiệm hoặc những nhieu	Diện tích trụ sở làm việc chật hẹp, xuống cấp	Trang thiết bị thiếu hoặc chất lượng kém		
1	2	3=4+5+6+7+8+9+10+11+12+13	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1	Hà Nội	2.596											Không báo cáo nội dung này
2	TP. Hồ Chí Minh	1.585	100			773		20	432		26	234	
3	Hải Phòng												Không báo cáo nội dung này
4	Đà Nẵng	682	42	0	173	361	0	0	0	0	25	78	
5	Cần Thơ	114	0	0	0	4	31	0	0	0	0	79	
6	An Giang	5.981	309	9	0	370	49	0	0	0	145	4.601	
7	Bà Rịa - Vũng Tàu	220	34			59	30	3	1			93	
8	Bạc Liêu	39	3	0	0	17	0	0	0	0	0	19	
9	Bắc Giang	1.644	0	0	0	192	337	284	20	0	119	681	
10	Bắc Kạn	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	
11	Bắc Ninh	2										2	

STT	Địa phương	Số lượng hồ sơ quá hạn	Nguyên nhân quá hạn										Ghi chú
			Quy định hành chính				Cán bộ, công chức			Cơ sở vật chất, trang thiết bị		Nguyên nhân khác	
			Do quy định tại VBQPPL chưa rõ ràng	Do quy định tại VBQPPL mâu thuẫn với nhau	Do quy định tại VBQPPL không hợp lý	Do cơ chế phối hợp chưa tốt	Do thiếu biên chế	Do trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết	Do cán bộ trực tiếp giải quyết thiếu trách nhiệm hoặc nhúng nhều	Diện tích trụ sở làm việc chật hẹp, xuống cấp	Trang thiết bị thiếu hoặc chất lượng kém		
12	Bến Tre	60	0	0	0	0	0	0	0	0	0	60	
13	Bình Định	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
14	Bình Dương	282	93	0	0	160	0	0	0	0	0	29	
15	Bình Phước	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11	
16	Bình Thuận	918	0	0	200	225	6	0	1	0	6	486	
17	Cà Mau	153	0	0	0	0	0	0	0	0	0	153	
18	Cao Bằng	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	
19	Đắk Lắk	160	0	0	0	0	0	0	0	0	0	160	
20	Đắk Nông	383											Không báo cáo nội dung này
21	Điện Biên	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
22	Đồng Nai	746	0	0	0	0	0	0	0	0	0	476	
23	Đồng Tháp	467	6	0	0	216	0	0	0	0	0	251	
24	Gia Lai												Không có báo cáo
25	Hà Giang	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	
26	Hà Nam	145	0	0	0	0	0	0	0	0	0	145	
27	Hà Tĩnh	385	0	0	0	0	0	0	0	0	0	385	
28	Hải Dương	121											Không báo cáo nội dung này
29	Hậu Giang												Không có báo cáo

STT	Địa phương	Số lượng hồ sơ quá hạn	Nguyên nhân quá hạn										Ghi chú
			Quy định hành chính				Cán bộ, công chức			Cơ sở vật chất, trang thiết bị		Nguyên nhân khác	
			Do quy định tại VBQPPL chưa rõ ràng	Do quy định tại VBQPPL mâu thuẫn với nhau	Do quy định tại VBQPPL không hợp lý	Do cơ chế phối hợp chưa tốt	Do thiếu biên chế	Do trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết	Do cán bộ trực tiếp giải quyết thiếu trách nhiệm hoặc không nhiều	Diện tích trụ sở làm việc chật hẹp, xuống cấp	Trang thiết bị thiếu hoặc chất lượng kém		
30	Hòa Bình	0											
31	Hưng Yên												Không ban các nội dung này
32	Khánh Hòa	1.627	75	0	0	54	0	0	0	0	0	1.498	
33	Kiên Giang												Không báo cáo nội dung này
34	Kon Tum	423	0	0	0	2	0	0	0	0	0	421	
35	Lai Châu												
36	Lâm Đồng	198	0	0	0	0	0	0	0	0	0	198	
37	Lạng Sơn												
38	Lào Cai	50	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	
39	Long An	327						17				310	
40	Nam Định	205	0	0	0	0	0	0	0	0	0	205	
41	Nghệ An												Không báo cáo nội dung này
42	Ninh Bình	31										31	
43	Ninh Thuận	2.975	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2.975	
44	Phù Thọ	687	0	0	0	7	0	0	0	0		687	
45	Phù Yên	793											
46	Quảng Bình	358	0	0	0	0	0	0	0	0	9	349	
47	Quảng Nam	117	0	0	0	0	5	0	0	0	0	112	

STT	Địa phương	Số lượng hồ sơ quá hạn	Nguyên nhân quá hạn										Ghi chú
			Quy định hành chính				Cán bộ, công chức			Cơ sở vật chất, trang thiết bị		Nguyên nhân khác	
			Do quy định tại VBQPPL chưa rõ ràng	Do quy định tại VBQPPL mâu thuẫn với nhau	Do quy định tại VBQPPL không hợp lý	Do cơ chế phối hợp chưa tốt	Do thiếu biên chế	Do trình độ, năng lực hạn chế của cán bộ trực tiếp giải quyết	Do cán bộ trực tiếp giải quyết thiếu trách nhiệm hoặc những nhiều	Diện tích trụ sở làm việc chật hẹp, xuống cấp	Trang thiết bị thiếu hoặc chất lượng kém		
48	Quảng Ngãi												Không có báo cáo
49	Quảng Ninh	1.019	0	0	0	123	110	13	0	69	5	699	
50	Quảng Trị	113	0	0	80	0	0	0	0	0	1		
51	Sóc Trăng	96	0	0	0	0	0	0	0	0	0	96	
52	Sơn La	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	
53	Tây Ninh	804	0	0	18	45	394	0	181	220	0	88	
54	Thái Bình	2.407	400	0	0	121	0	0	0	0	0	1.886	
55	Thái Nguyên	9	0	0	0	0	0	0	0	0	0	9	
56	Thanh Hóa	1.091	900	0	0	0	23	5	0	0	0	163	
57	Thừa Thiên - Huế	1.116	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
58	Tiền Giang	261	0	0	0	21	0	6	0	0	0	234	
59	Trà Vinh	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5	
60	Tuyên Quang	23	0	0	0	0	0	0	0	0	0	23	
61	Vĩnh Long	74	0	0	0	0	0	21	0	0	0	74	
62	Vĩnh Phúc	56											Không báo cáo nội dung này
63	Yên Bái	64	0	0	0	0	0	0	0	0	0	64	
	Tổng số	31.643	1.962	9	471	2.750	985	369	635	289	336	18.140	

Phụ lục XII

KẾT QUẢ CHUYỂN GIAO NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ LÀM CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TTHC TẠI BỘ, NGÀNH
(Kèm theo Báo cáo số 23/BTP-BC ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Bộ, ngành	Chuyển giao nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, tài chính		Số lượng công chức Phòng Kiểm soát TTHC		Trình độ chuyên môn công chức Phòng Kiểm soát TTHC		Ghi chú
		Đã chuyển giao	Chưa chuyển giao	Tại Văn phòng	Tại Tổ chức pháp chế	Số công chức chuyên ngành Luật	Số công chức chuyên ngành khác	
1	Bộ Công an	x			7	1	6	
2	Bộ Công Thương	x			4	2	2	
3	Bộ Giao thông vận tải	x			5	3	2	
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	x			4	3	1	
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	x			3	1	2	
6	Bộ Khoa học và Công nghệ		x	3		1	2	
7	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	x			4	1	3	
8	Bộ Ngoại giao		x	3		1	2	
9	Bộ Nội vụ	x			3	2	1	Chưa thành lập Phòng Kiểm soát TTHC
10	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	x			5	1	4	
11	Bộ Quốc phòng	x			1	1		01 chuyên trách, 12 kiêm nhiệm; Chưa thành lập Phòng Kiểm soát TTHC
12	Bộ Tài chính	x			4	2	2	
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	x			4		4	Chưa thành lập Phòng Kiểm soát TTHC
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	x			3	3	0	
15	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	x			3	1	2	
16	Bộ Xây dựng	x			2	2		
17	Bộ Y tế	x			4		4	
18	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		x	5		1	4	
19	Thanh tra Chính phủ	x			5	5		
20	Ủy ban Dân tộc	x			3	1	2	
21	Bảo hiểm xã hội Việt Nam	x			6	3	3	
22	Ngân hàng chính sách xã hội	x			2	2		
23	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	x			2	1	1	
	Tổng số	20	3	11	74	38	47	

Phụ lục XIII
KẾT QUẢ CHUYỂN GIAO NHIỆM VỤ, TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ
LÀM CÔNG TÁC KIỂM SOÁT TTIC TẠI ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số 23/BTP-BC ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Địa phương	Chuyển giao nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, tài chính		Số lượng công chức Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính		Trình độ chuyên môn công chức Phòng Kiểm soát TTIC		Ghi chú
		Đã chuyển giao	Chưa chuyển giao	Tại Văn phòng	Tại Sở Tư pháp	Số công chức chuyên ngành Luật	Số công chức chuyên ngành khác	
1	Hà Nội	x			6	5	1	
2	TP. Hồ Chí Minh	x			5	5		
3	Hải Phòng	x			4	1	3	
4	Đà Nẵng	x			3	2	1	
5	Cần Thơ	x			3	1	2	
6	An Giang	x			2	2		
7	Bà Rịa-Vũng Tàu	x			4	2	2	
8	Bắc Giang	x			4	1	3	
9	Bắc Kạn	x			4	0	4	
10	Bạc Liêu	x			4	2	2	
11	Bắc Ninh	x			4	2	2	
12	Bến Tre	x			4	2	2	
13	Bình Định	x			4	1	3	
14	Bình Dương	x			3	1	2	
15	Bình Phước	x			4	1	3	
16	Bình Thuận	x			4	1	3	
17	Cà Mau	x			3	2	1	
18	Cao Bằng	x			1		1	
19	Đắk Lắk	x			3	2	1	
20	Đắk Nông	x			2	1	1	
21	Điện Biên	x			4	2	2	
22	Đồng Nai	x			3	1	2	
23	Đồng Tháp	x			2	0	2	
24	Gia Lai	x			4	2	2	

25	Hà Giang	x			1	1		
26	Hà Nam	x			3	2	1	
27	Hà Tĩnh	x			3	1	2	
28	Hải Dương	x			3	1	2	
29	Hậu Giang	x			2	2		
30	Hòa Bình	x			3	1	2	
31	Hưng Yên	x			3	3		
32	Khánh Hòa	x			1	1		
33	Kiên Giang	x			3		3	
34	Kom Tum	x			4	3	1	
35	Lai Châu	x			3	0	3	Không báo gian địa biên chế theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ
36	Lâm Đồng	x			5	2	3	
37	Lạng Sơn	x			4	4	0	
38	Lào Cai	x			3	1	2	
39	Lương An	x			5	2	3	
40	Nam Định	x			4	3	1	
41	Nghệ An	x			1	1		
42	Ninh Bình	x			2	1	1	
43	Ninh Thuận	x			3	2	1	
44	Phú Thọ	x			2	2		
45	Phù Yên	x			4	1	3	
46	Quảng Bình	x			4	3	1	
47	Quảng Nam	x			3	0	3	
48	Quảng Ngãi	x			2	0	2	01 kiểm nhiệm, chưa thành lập Phòng Kiểm soát TTHC
49	Quảng Ninh	x			4	1	3	
50	Quảng Trị	x			3	1	2	
51	Sóc Trăng	x			2	2		
52	Sơn La	x			4	1	3	
53	Tây Ninh	x			3	0	3	
54	Thái Bình	x			2	0	2	
55	Thái Nguyên	x			3	3	0	
56	Thanh Hóa	x			5	1	4	

57	Thừa Thiên - Huế	x			3	1	2	
58	Tiền Giang	x			3	0	3	
59	Trà Vinh	x			1	1		
60	Tuyên Quang	x			3	2	1	
61	Vĩnh Long	x			2	2	0	Có hi chuyển giao chức năng, nhiệm vụ, không chuyển giao biên chế
62	Vĩnh Phúc	x			3	1	2	
63	Yên Bái	x			4	1	3	
	Tổng số	63			200	93	107	

Phụ lục XIV
TỔNG HỢP KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC VÀ KIẾN NGHỊ CỦA ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo Báo cáo số 23/BTP-KSTT ngày 23 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tư pháp)

STT	Nội dung	Địa phương kiến nghị	Thẩm quyền của Bộ, ngành
1	Khẩn trương ban hành quy định về thu phí và lệ phí đối với các thủ tục hành chính cấp các loại giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện, giấy phép hoạt động (các Nghị định có liên quan đều quy định tổ chức, cá nhân, thương nhân khi được cấp phép phải nộp phí, lệ phí theo quy định, nhưng cho đến nay vẫn chưa có quy định về thu, nộp và sử dụng trong các lĩnh vực nói trên) như: phí, lệ phí cấp giấy xác nhận khai báo hóa chất; phí thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hoá chất; lệ phí cấp các loại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh hóa chất theo Nghị định số 108/2008/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ...	Đà Nẵng	Bộ Tài chính
2	Nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Thông tư số 167/2012/TT-BTC ngày 10/10/2012 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính theo hướng bổ sung đối tượng được hưởng chế độ phụ cấp gồm cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính tại các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh ở địa phương	An Giang	Bộ Tài chính
3	Đề nghị hướng dẫn cụ thể về thời điểm, số lượng, cách thức xác định, phân loại các thủ tục hành chính để xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 vì việc kiểm soát và công bố thủ tục hành chính luôn được diễn ra thường xuyên, liên tục theo quy định về kiểm soát thủ tục hành chính	Đồng Tháp	Bộ Khoa học và Công nghệ
4	Các Bộ, ngành Trung ương khi ban hành quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi ngành quản lý đồng thời gửi các quyết định công bố và nội dung thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ kèm các văn bản pháp quy có liên quan thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương về sở ngành chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để biết, thực hiện	Tiền Giang	Các Bộ, ngành

12. 12. 12

12. 12. 12